

Số: 276 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 07 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc
công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 175/TTr-STP ngày
24/01/2025 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư
pháp (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây
dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính
đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Bãi bỏ Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị



Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số: 276 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	100.000 đồng. Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	<ul style="list-style-type: none">- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 31/11/2008;- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ;- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt	<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; quốc tịch.- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp.

				Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 31/11/2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp.
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	2.500.000 đồng	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 31/11/2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp;
	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- 20 ngày làm việc đối với trường hợp có	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và	100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt	- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp;

5		giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.	HTDN tỉnh	Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp.
---	--	---	-----------	---	---